

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 17 – 02 – 2023  
V/v xin ly hôn và tranh chấp nuôi con  
chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mạc Thị Chiên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Cho;
2. Bà Bùi Thị Hồng Thơm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 348/2023/TL.ST-HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/01/2023 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Nguyễn Kim H, sinh năm 1993, trú tại: Ấp VP, xã VT, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Phan Văn T, sinh năm 1985, trú tại: Ấp 4A, xã TH, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Nguyễn Kim H trình bày:

Bà và ông Phan Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và

đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2018. Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống với nhau rất hạnh phúc, ông T chăm chỉ, siêng năng, biết lo cho gia đình. Do chung sống với cha mẹ chồng, bà bị tật nên cũng không phụ giúp được gia đình chồng, mẹ chồng đã đồng ý cho bà về sống với cha mẹ ruột, thỉnh thoảng anh T qua thăm, cho tiền mua sữa cho con. Nhưng khoảng hơn một năm nay, anh T tỏ ra thiếu lễ phép với cha mẹ của bà, chửi mắng bà và không đến thăm bà và con nữa. Từ đó, mâu thuẫn phát sinh, bà có khuyên ông T nhưng ông T cố chấp không nghe dẫn đến cuộc sống của bà mệt mỏi và bị áp lực. Do đó, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Phan Minh K (nam), sinh ngày 29/3/2019, hiện đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu K, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 1.000.000đồng.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Phan Văn T không tham dự, Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vẫn không có mặt để thực hiện các thủ tục hòa giải, công khai chứng cứ

Tại phiên tòa, bà H vắng mặt, có đơn xin yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, ông T không tham dự phiên tòa mà không có lý do chính đáng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Nguyễn Kim H; Về con chung: Giao cháu Phan Minh K (nam), sinh ngày 29/3/2019 cho bà Trần Nguyễn Kim H được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng

Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị chưa xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn là người bị khuyết tật nên được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Nguyễn Kim H và ông Phan Văn T tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A vào năm 2018. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Do đó, bà H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Văn T và yêu cầu được nuôi con chung. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Nguyễn Kim H và ông Phan Văn T vắng mặt, phía bà H đã có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, ông Phan Văn T được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông T và, bà H.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H: Bà H và ông T kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, bà H là người bị khuyết tật nên ông bà không chung sống cùng nhau mà mỗi bên sống chung với cha mẹ ruột của ông mình. Thời gian đầu, ông T có qua thăm bà và con nhưng được một thời gian ông T không còn qua thăm nữa, khi qua thì có thái độ không tôn trọng vợ và gia đình bên vợ. Từ đó, phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, cuộc sống không có hạnh phúc. Do đó, bà H có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông T. Về phía ông T không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, không tham dự các phiên hòa giải do Tòa án tổ chức. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của ông T và bà H đã ở trong tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn chung sống, bà H và ông T đều không có thiện chí đề hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ theo Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông Phan Văn T.

[3.2] Về con chung: Ông T và bà H có 01 con chung là cháu Phan Minh K (nam), sinh ngày 29/3/2019. Hiện nay, cháu K đang chung sống với bà H. Nhằm ổn định cuộc sống cho cháu K nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháu K cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng. Việc bà H yêu cầu ông T có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng là 1.000.000đồng từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi là có cơ sở nên được chấp nhận. Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà H khai không có, ông T chưa có ý kiến gì về sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử tách ra chưa xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Nguyễn Kim H không phải chịu do bà H thuộc diện hộ nghèo và bị khuyết tật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ, khoản 5 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Nguyễn Kim H đối với ông Phan Văn T. Giấy chứng nhận kết hôn số 82/2018, ngày 05 tháng 10 năm 2018 do Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A cấp cho ông Phan Văn T và bà Trần Nguyễn Kim H không còn giá trị pháp lý

2. Về con chung: Giao cháu Phan Minh K (nam), sinh ngày 29/3/2019 cho bà Trần Nguyễn Kim H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Phan Văn T phải cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng là 1.000.000đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi. Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra chưa giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Nguyễn Kim H không phải chịu

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mạc Thị Chiên**